

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHONG ĐIỀN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59** /2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 18-6-2020  
V/v Ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim O  
với anh Văn Đình L

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Trường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồ Văn Nhân.
2. Bà Nguyễn Thị Hòa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Như Thuần - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Ông Lê Ngọc Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện PD, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên lạc: Thôn T2, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; *có mặt.*

2. *Bị đơn:* Anh Văn Đình L, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện PD, tỉnh Thừa Thiên Huế; *vắng mặt lần thứ hai.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 16-12-2019; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 12-01-2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim O trình bày:

Chị với anh Văn Đình L chung sống, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07-3-2011 tại Ủy ban nhân dân xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung với bố mẹ của anh L tại xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đến khi chị O sinh con thì về ở nhà bố mẹ đẻ của chị O tại xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Cả vợ, chồng đều làm thuê, không có nghề nghiệp ổn định. Từ

sau khi sinh người con thứ hai thì vợ chồng mâu thuẫn và không chung sống với nhau. Nguyên nhân là lối sống không hợp, điều kiện làm việc và sinh sống mỗi người một nơi; không chung sống thường xuyên nên nghĩa vụ và trách nhiệm giữa vợ chồng không có. Chị đã nhiều lần liên hệ nhưng anh L bỏ mặc. Tình trạng kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con: Vợ chồng có hai con chung là cháu Văn Thị Linh Đ, sinh ngày 28-12-2011 và cháu Văn Khả H, sinh ngày 29-8-2017. Từ khi vợ chồng không chung sống, chị là người nuôi dưỡng cả hai cháu; cháu Đ đang đi học tại thị xã A, tỉnh Gia Lai. Chị yêu cầu giao cả hai con chung cho chị trực tiếp nuôi đến khi các cháu thành niên.

Về cấp dưỡng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Văn Đình L trong thời hạn quy định không nộp hoặc gửi văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 05-3-2020 và ngày 17-4-2020, Tòa án đã hai lần tiến hành tổng đạt giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh L bằng hình thức niêm yết để anh L trình bày ý kiến và tham gia phiên họp nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do.

Tại Biên bản ghi nguyện vọng của con chưa thành niên ngày 20-3-2020, cháu Văn Thị Linh Đ có nguyện vọng được ở với mẹ.

Ngày 13-5-2020, Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 28-5-2020 bằng hình thức niêm yết nhưng anh L vắng mặt nên đã hoãn phiên tòa. Ngày 29-5-2020, Tòa án đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai vào ngày 18-6-2020 bằng hình thức niêm yết nhưng anh L tiếp tục vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn nhiều lần vắng mặt là không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Kim O và anh Văn Đình L kết hôn hợp pháp, đã có hai con chung là cháu Văn Thị Linh Đ, sinh ngày 28-12-2011 và cháu Văn Khả H, sinh ngày 29-8-2017. Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để xử chấp nhận cho chị O được ly hôn anh L; giao cả hai con chung cho chị O trực tiếp nuôi; về cấp dưỡng không xem xét do không có yêu cầu; buộc chị O chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

### [1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con khi ly hôn của nguyên đơn với bị đơn là anh Văn Đình L có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về việc tổng đạt và vắng mặt bị đơn: Căn cứ kết quả xác minh thì bị đơn không có mặt ở nơi cư trú tại thời điểm tổng đạt mà không rõ thời điểm trở về, không xác định được địa chỉ cư trú mới nên việc tổng đạt bằng hình thức niêm yết là phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không thuộc trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim O và anh Văn Đình L kết hôn có đăng ký, được Ủy ban nhân dân xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2011, ngày 07-3-2011. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn, thấy rằng: Trên cơ sở trình bày của chị O và kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ về nguyên nhân mâu thuẫn và nguyện vọng của vợ chồng có cơ sở xác định: Vợ chồng chị O, anh L mâu thuẫn do không hợp nhau và điều kiện chung sống, làm việc. Thời gian kéo dài từ năm 2017 đến nay và chị O cũng đã nộp đơn ly hôn; anh L đã biết nhưng không có giải pháp khắc phục để hàn gắn tình cảm và duy trì quan hệ vợ chồng; Tòa án đã nhiều lần triệu tập tham gia hòa giải nhưng anh L vắng mặt. Chứng tỏ, anh L đã không có thiện chí hàn gắn, không có nghĩa vụ và trách nhiệm chia sẻ, yêu thương giữa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận cho chị O được ly hôn theo yêu cầu. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

[4] Về con: Chị Nguyễn Thị Kim O và anh Văn Đình L có hai con chung là cháu Văn Thị Linh Đ, sinh ngày 28-12-2011 và cháu Văn Khả H, sinh ngày 29-8-2017 theo chứng cứ là bản sao giấy khai sinh.

Xét yêu cầu của chị O được trực tiếp nuôi cả hai con chung sau khi ly hôn, thấy rằng:

Tại khoản 2 và khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.

Từ khi không chung sống, chị O là người nuôi cả hai người con chung của vợ chồng. Hiện tại, cháu H dưới 36 tháng tuổi. Cháu Đ có nguyện vọng được ở mẹ và đang đi học tại thị xã A, tỉnh Gia Lai là nơi chị O đang sinh sống. Chị O không thuộc trường hợp không đủ điều kiện nuôi con. Anh L vắng mặt nên cũng không có yêu cầu, thỏa thuận gì khác về việc nuôi con.

Vì vậy, để bảo đảm các cháu ổn định cuộc sống, việc học tập và quyền lợi mọi mặt, cần chấp nhận giao cả hai cháu cho chị O trực tiếp nuôi đến khi thành niên là có căn cứ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phổ biến, giải thích nhưng chị O tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 5 Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Tuyên xử:

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim O với anh Văn Đình L; quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

**2. Về nuôi con chung:** Giao cháu Văn Thị Linh Đ, sinh ngày 28-12-2011 và cháu Văn Khả H, sinh ngày 29-8-2017 cho chị Nguyễn Thị Kim O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ khi ly hôn đến khi thành niên.

Anh Văn Đình L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về án phí sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị Kim O chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: AA/2013/008552 ngày 13-01-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị O đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**4. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- CCTHADS huyện Phong Điền;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HNGĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Văn Trường**